

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DSST - ST
Ngày: 17 - 12 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Nguyễn Ngọc Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-TCDS ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-TCDS, ngày 29 tháng 10 năm 2024; Thông báo hoãn phiên tòa số 32/TB-HPT ngày 26/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Tháp BIDV, 194 đường Trần Quang Khải, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc Ngân hàng T

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Việt H - Chuyên viên phòng QLRR Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chiến T, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964

Cùng cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Bà T ủy quyền cho ông T, ông T có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

Cùng cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng T (Ngân hàng) trình bày:

Ông Nguyễn Chiến T và Bà Phạm Thị T đã ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8501045/HĐTD ngày 25/04/2016 để vay số tiền 17.573.000.000 đồng, thời hạn vay 192 tháng, mục đích vay dài hạn để đóng mới tàu cá vỏ thép khai thác hải sản xa bờ theo đúng nội dung bản vẽ thiết kế đã được Trung tâm đăng kiểm tàu cá - Tổng cục thủy sản phê duyệt theo phiếu sao duyệt thiết kế kỹ thuật tàu cá số 23SD/16-ĐKTC, ngày 28/01/2016; khái toán được lập bởi Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ Tân Hoàng Lâm và đã được Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số Vc 16/04/25/ĐS-NAQB.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình, ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T đã sử dụng tài sản sau để đảm bảo vay vốn tại Ngân hàng, cụ thể:

+ 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 799320, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00238 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 03/04/2007 cấp cho hộ ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8501045/HĐBĐ ngày 12/05/2016, ký giữa ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T với Phòng GD Hòa Ninh - Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình, đã được UBND xã Q chứng thực ngày 12/05/2016, số 66, quyền số 01 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B ngày 12/05/2016 theo đúng quy định.

+ 01 tàu cá vỏ thép khai thác thủy hải sản cùng toàn bộ trang thiết bị, ngư lưới cụ được đóng mới theo NĐ 67 của ông Nguyễn Chiến T theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, số đăng ký QB-98963-TS do Chi cục Thủy sản cấp ngày 26/12/2016, theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/8501045/HĐBĐ ngày 05/05/2016, ký giữa ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T với Ngân hàng đã được UBND xã Q chứng thực ngày 05/05/2016, số 61, quyền số 01 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đ ngày 09/05/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2016/8501045/SĐBS ngày 30/12/2016, ký giữa ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T với Ngân hàng, đã được UBND xã Q chứng thực ngày 30/12/2016, số 185, quyền số 01 và đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đ ngày 19/01/2017 theo đúng quy định.

Trong quá trình quan hệ tín dụng tại Ngân hàng, ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 16/07/2018. Dư nợ của khoản vay trên tính đến ngày 17/12/2024 là 21.590.954.118 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.386.660.000 đồng, nợ lãi là 4.707.712.011 đồng, phí trả chậm là 496.582.107 đồng). Vì vậy, để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, bằng văn bản này Ngân hàng đề

ngợi Tòa án buộc ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi là 21.590.954.118 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.386.660.000 đồng, nợ lãi là 4.707.712.011 đồng, phí trả chậm là 496.582.107 đồng và toàn bộ số tiền lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T với Ngân hàng cho đến khi ông T và bà T trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông T, bà T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Chiến T trình bày: Ông thống nhất về quá trình vay vốn và thế chấp tài sản cũng như các khoản dư nợ đúng như Ngân hàng đã trình bày. Nhưng hiện nay do kinh tế gia đình rất khó khăn nên ông mong muốn được Ngân hàng cho gia đình trả nợ dần. Trường hợp vợ chồng ông không trả được nợ thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay. Đối với phần đất mà ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H đã xây nhà lấn chiếm thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai thì ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H đều thống nhất trình bày: Năm 2023, vợ chồng ông bà làm nhà ở, khi làm cũng đã dùng thước dây để đo đạc. Tuy nhiên, việc đo đạc không chính xác nên khi làm nhà vợ chồng ông đã xây 01 phần nhà kiên cố có diện tích 7,6m² và phần mái che tạm có diện tích 12,0m² (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2024) lấn sang thửa đất số 217, tờ bản đồ số 03 của ông T, bà T. Vì vậy, trường hợp Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà T thì vợ chồng ông bà đồng ý tháo dỡ phần mái che tạm diện tích 12,0m², phần nhà xây kiên cố diện tích 7,6m² vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 290, 318, 342, 343, 355, 474, 476, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (17/12/2024) là 21.590.954.118 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.386.660.000 đồng, nợ lãi là 4.707.712.011 đồng, phí trả chậm là 496.582.107 đồng và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng. Trường hợp, ông T, bà T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Khi xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 217, tờ bản đồ số 03, diện tích hiện tại là 376,8m² thuộc thôn C, xã Q, thị xã B và tài sản gắn liền trên đất thì chỉ kê biên xử lý phần diện tích thửa đất là 369,2m² mà không kê biên xử lý phần nhà của ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H đã xây dựng kiên cố lấn sang thửa đất số 217 của ông T, bà T với diện tích 7,6m².

Buộc ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ phần mái che tạm đã lấn qua thửa đất số 217 của ông T, bà T với diện tích 12m².

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí xem xét tại chỗ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông T, bà T là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên ông T, bà T không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T cư trú tại thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, ông Đ, bà H đã có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8501045/HĐTD ngày 25/04/2016, được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Chiến T, bà Phạm Thị T về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 121, 122, 402 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà T vay số tiền 17.573.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông T, bà T

đã trả được số tiền nợ gốc 1.186.340.000 đồng; nợ lãi 205.448.612 đồng. Đến ngày 16/07/2018, ông T, bà T để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng ông T, bà T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 17/12/2024, ông T, bà T còn dư nợ tại Ngân hàng tổng số tiền là 21.590.954.118 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.386.660.000 đồng, nợ lãi là 4.707.712.011 đồng, phí trả chậm là 496.582.107 đồng. Vì vậy, ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/12/2024 với tổng số tiền 21.590.954.118 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng năm 2010 nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8501045/HĐBĐ ngày 12/05/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/8501045/HĐBĐ ngày 05/05/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8501045/SĐBS ngày 30/12/2016, ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 217, tờ bản đồ số 03, diện tích 377m² thuộc thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 799320, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số H00238 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 03/4/2007 cho hộ ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T để đảm bảo cho khoản vay trên.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất thế chấp được cấp cho hộ ông Nguyễn Chiến T, bà Phạm Thị T. Sổ hộ khẩu hộ gia đình ông T, bà T gồm có 07 thành viên gồm: Ông T, bà T và các con là Nguyễn Thị V, Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, theo Công văn số 445/CNVPĐK ngày 10/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B xác định: Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 362b, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 217, tờ bản đồ số 3, xã Quảng Lộc) được kê khai năm 2000 mang tên ông Nguyễn T. Do vậy, thửa đất trên không liên quan đến các con của ông T, bà T. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp được chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông T, bà T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2024 thì thửa đất số 217, tờ bản đồ số 03 tại thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình của ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T có diện tích 376,8m² (giảm 0,2m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số đo đạc qua các thời kỳ) đã bị ông Nguyễn Đ và Nguyễn Thị H xây dựng 01 phần nhà kiên cố lấn sang thửa đất số 217, tờ bản đồ số 3 của ông T, bà T với

diện tích 7,6m² và làm một phần mái che tạm diện tích 12,0m². Việc ông Đ, bà H xây lấn chiếm qua đất của ông T, bà T là vi phạm quy định của pháp luật, lẽ ra cần phải buộc ông Đ, bà H phải tháo dỡ nhà để trả lại đất cho ông T, bà T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng không yêu cầu ông Đ, bà H phải tháo dỡ phần nhà đã xây kiên cố trên thửa đất số 217, tờ bản đồ số 3 với diện 7,6m² mà chỉ yêu cầu ông Đ, bà H tháo dỡ phần mái che tạm diện tích 12,0m² để xử lý tài sản thế chấp đối với diện tích đất thực tế còn lại (sau khi đã trừ phần diện tích nhà kiên cố lấn sang thửa đất số 217, tờ bản đồ số 3 của ông T, bà T) là 369,2m²

Xét ý kiến của phía Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, trường hợp ông Nguyễn Chiến T, bà Phạm Thị T không trả được nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi các tài sản gồm: Thửa đất số 217, diện tích thực tế còn lại là 369,2m², tờ bản đồ số 03 tại thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 799320, số vào sổ cấp GCN: H 00238 do UBND huyện Q cấp ngày 03/04/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T; 01 tàu cá vỏ thép khai thác thủy hải sản được đóng theo NĐ 67 theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, số đăng ký QB-98963-TS hiện đang neo đậu tại bãi cát thôn C, xã Q để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông Nguyễn Chiến T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng

Buộc ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H tháo dỡ phần mái che tạm lấn sang thửa đất số 217 diện tích 12,0m² để xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo);

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền 4.000.000 đồng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng với số tiền 4.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Theo quy định ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông T, bà T là đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí có chính quyền địa phương xác nhận nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B là có căn cứ cần được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 121, 122, 290, 318, 342, 343, 355, 402, 474, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị H

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Nguyễn Chiến T và Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 17/12/2024 là 21.590.954.118 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.386.660.000 đồng, nợ lãi là 4.707.712.011 đồng, phí trả chậm là 496.582.107 đồng)

“Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (17/12/2024), cho đến khi thi hành xong các khoản tiền ông Nguyễn Chiến T và Phạm Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết”

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Chiến T, bà Phạm Thị T không trả được nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã B kê biên, phát mãi các tài sản gồm: Thửa đất số 217, diện tích thực tế còn lại là 369,2m², tờ bản đồ số 03, tại thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền trên đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 799320, số vào sổ cấp GCN: H 00238 do UBND huyện Q cấp ngày 03/04/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T; 01 tàu cá vỏ thép khai thác thủy hải sản được đóng theo ND 67 theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, số đăng ký QB-98963-TS hiện đang neo đậu tại bãi cát thôn Cồn S, xã Quảng L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8501045/HĐBĐ ngày 12/05/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/8501045/HĐBĐ ngày 05/05/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2016/8501045/SĐBS ngày 30/12/2016, đã được ký kết giữa ông Nguyễn Chiến T và bà Phạm Thị T với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông Nguyễn Chiến T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tiếp tục sử

dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng

Buộc ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị T tháo dỡ phần mái che tạm lán sang thửa đất số 217 diện tích 12,0m² để xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo);

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Chiến T, bà Phạm Thị T. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 64.071.613 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003331 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B cho Ngân hàng T

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Chiến T, bà Phạm Thị T phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng cho Ngân hàng T.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/12/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà